

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên công ty đại chúng : **CÔNG TY CỔ PHẦN VINATEX ĐÀ NẴNG**
Năm báo cáo: 2019

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- + Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN VINATEX ĐÀ NẴNG**
(VINATEX DANANG JOINT STOCK COMPANY)
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0400410498 do Sở kế hoạch & đầu tư TP.Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 08/8/2005, thay đổi lần thứ 8 ngày 02/7/2018.
- + Vốn điều lệ : 29.939.100.000 đồng
- + Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 29.939.100.000 đồng
- + Địa chỉ : 25 Trần Quý Cáp, quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng
- + Số điện thoại : 0236.3823725/3827116
- + Số Fax : 0236.3823367
- + Website : www.vinatexdn.com.vn
- + Mã cổ phiếu (nếu có) : VDN

2. Quá trình hình thành và phát triển:



- Thời gian đầu Vinatex Đà Nẵng có tên gọi là Liên hiệp SX – XNK dệt may Việt Nam tại Đà Nẵng được thành lập vào ngày 01/07/1992 với 01 xưởng thủ công, 01 xưởng may gồm 350 công nhân & 01 cửa hàng cung ứng thiết bị phụ tùng ngành may.

- Tiền thân của Công ty CP Vinatex Đà Nẵng là Chi nhánh Tổng Công Dệt May Việt Nam tại Đà Nẵng, được thành lập trên cơ sở sát nhập Chi nhánh Liên hiệp Dệt tại Đà Nẵng với Chi nhánh Liên hiệp May tại Đà Nẵng theo quyết định số 100/QĐ/TCLĐ ngày 26/10/1995 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Dệt May Việt Nam, có tên giao dịch quốc tế: VIETNAM NATIONAL TEXTILE AND GARMENT CORPORATION - DANANG BRANCH - GỌI TẮT VINATEX ĐÀ NẴNG, là đơn vị hạch toán phụ thuộc.

- Tháng 01/2002, trên cơ sở sát nhập Chi nhánh Tổng Công ty Dệt May Việt Nam tại Đà Nẵng và Công ty Dệt May Thanh Sơn theo quyết định số 299/QĐ-TCCB ngày 28/01/2002 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May Đà Nẵng được thành lập (tên giao dịch gọi tắt VINATEX ĐÀ NẴNG), là đơn vị hạch toán độc lập có con dấu riêng và có tài khoản tại ngân hàng, có chức năng SX-KD theo đăng ký kinh doanh và là đơn vị trực tiếp kinh doanh xuất nhập khẩu hàng may mặc, kinh doanh thương mại hàng Dệt May, thiết bị phụ tùng điện - điện lạnh, có trụ sở văn phòng đặt tại 25 Trần Quý Cáp, TP.Đà Nẵng.

- Ngày 01/9/2005, Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May Đà Nẵng được cổ phần hóa theo quyết định số 142/2004/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công Nghiệp ngày 23/11/2004 và đổi tên thành Công ty CP SX-XNK Dệt May Đà Nẵng, tên Tiếng Anh là : DANANG TEXTILE AND GARMENT MANUFACTURING IMPORT EXPORT JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là VINATEX DANANG, hoạt động theo điều lệ tổ chức hoạt động được hội đồng cổ đông thông qua ngày 20/07/2005.

- Ngày 01/07/2008 được đổi tên Công ty CP Vinatex Đà Nẵng, Trụ sở: Số 25 đường Trần Quý Cáp, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

- Ngày 31/03/2010, Công ty CP Vinatex Đà Nẵng chính thức đưa cổ phiếu lên sàn giao dịch chứng khoán Upcom, với mã chứng khoán là VDN. Tổng số lượng niêm yết là 2.000.000 CP, mệnh giá 10 nghìn đồng. Mục đích đưa cổ phiếu lên sàn giao dịch nhằm tăng vốn điều lệ tái đầu tư cơ sở vật chất, mở rộng quy mô sản xuất.

- Trong năm 2016, Công ty CP Vinatex Đà Nẵng phát hành thêm 993.910 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, nâng tổng số lượng chứng khoán của Công ty lên 2.993.910 cổ phiếu.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

+ Ngành nghề kinh doanh:

- Chuyên sản xuất hàng may mặc xuất khẩu, hàng thêu đan, áo len
- Kinh doanh khách sạn
- Bán lẻ hàng thủ công mỹ nghệ, kinh doanh nhà hàng, đại lý mua bán hàng hóa
- Bán mô tô, xe máy
- Lắp đặt hệ thống điện, bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép
- Xây dựng nhà các loại
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày
- Dịch vụ giao nhận, bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu.

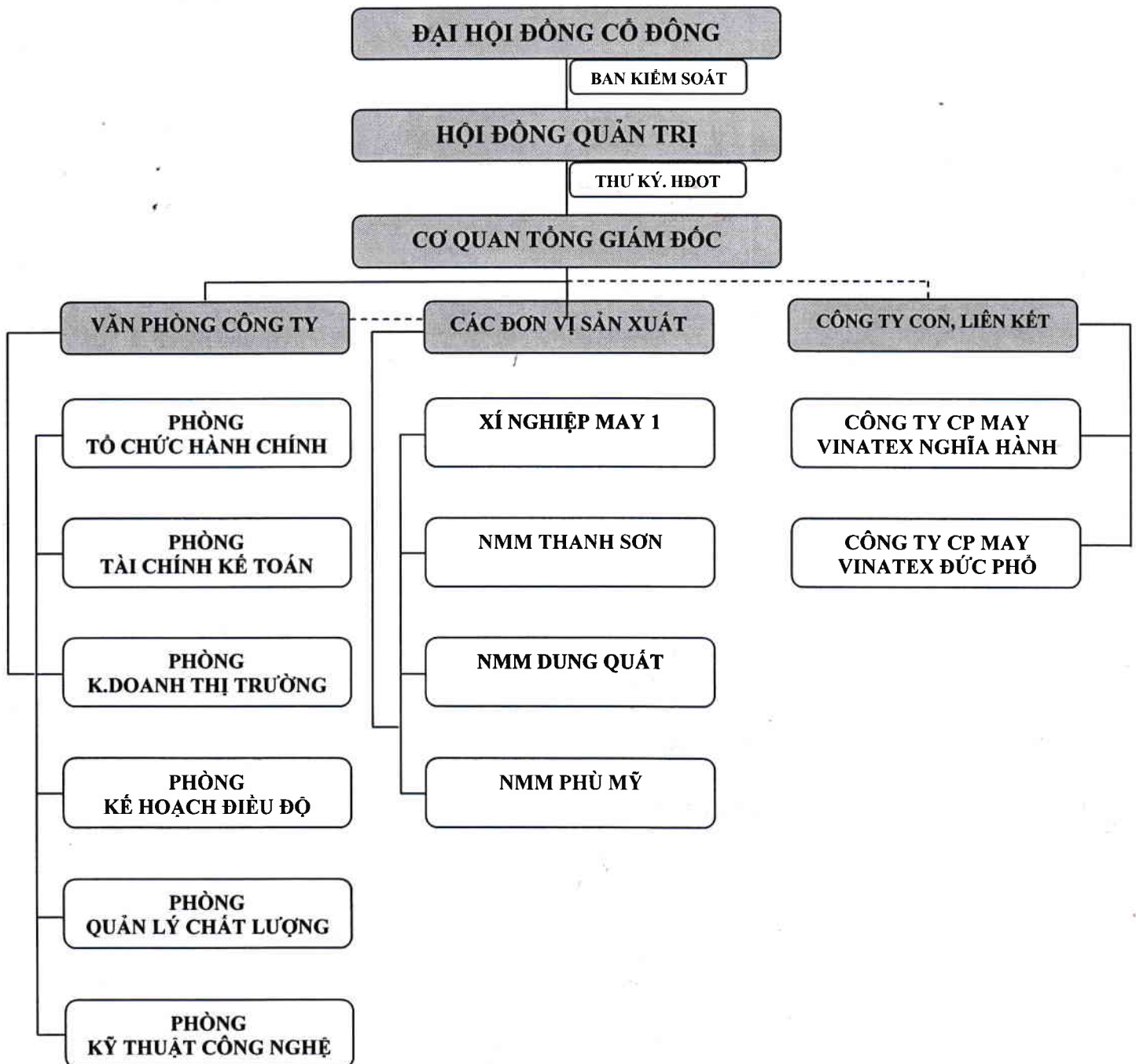
+ Địa bàn kinh doanh: Phạm vi Việt Nam và các quốc gia có quan hệ đối tác

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

4.1 Mô hình quản trị:

Công ty CP Vinatex Đà Nẵng được chuyển đổi từ Công ty nhà nước sang Công ty cổ phần, hiện cổ đông nhà nước (Tập đoàn dệt may Việt nam) nắm giữ 30% vốn điều lệ. Mô hình quản trị của Công ty như sau: Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Cơ quan Tổng Giám đốc, Kiểm soát nội bộ, các phòng nghiệp vụ và các nhà máy sản xuất trực thuộc.

4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý: Công ty CP Vinatex Đà Nẵng đã xây dựng và hoàn thiện cơ cấu bộ máy quản lý như sau:



* Công ty con: Công ty CP may Vinatex Nghĩa Hành, địa chỉ: Cụm Công nghiệp Đồng Dinh, thị trấn Chợ Chùa, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

* Công ty liên kết: Công ty CP may Vinatex Đức Phổ, địa chỉ: Cụm Công nghiệp Phố Hòa, thôn An Thường, xã Phố Hòa, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Chức năng, nhiệm vụ theo cơ cấu bộ máy quản lý:

*** Đại hội cổ đông:**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty cổ phần Vinatex Đà Nẵng. Đại hội cổ đông có quyền và nhiệm vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh; quyết định sửa đổi, bổ sung vốn điều lệ của Công ty; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; và quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

*** Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty cổ phần Vinatex Đà Nẵng do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 01 (một) Chủ tịch Hội đồng quản trị và 04 (bốn) thành viên với nhiệm kỳ là 5 (năm) năm.

Danh sách HĐQT cụ thể như sau:

- | | |
|---------------------------|-------------------|
| 1. Ông Phạm Phú Cường | - Chủ tịch HĐQT |
| 2. Ông Hồ Hai | - Thành viên HĐQT |
| 3. Ông Văn Hữu Thành | - Thành viên HĐQT |
| 4. Ông Nguyễn Xuân Đông | - Thành viên HĐQT |
| 5. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm | - Thành viên HĐQT |

*** Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng bao gồm 03 (Ba) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 (năm) năm.

Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

Danh sách Ban kiểm soát cụ thể như sau:

- | | |
|-----------------------------|------------------------|
| 1. Ông Huỳnh Tấn Long | - Trưởng Ban kiểm soát |
| 2. Ông Lương Chương | - Thành viên BKS |
| 3. Bà Nguyễn Thị Phương Mai | - Thành viên BKS |

*** Cơ quan Tổng Giám đốc:**

Ban Giám đốc của Công ty bao gồm 06 (Sáu người): 01 Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc, 03 Giám đốc điều hành.

Cơ quan Tổng Giám đốc điều hành, quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành giúp việc Tổng Giám đốc trong từng lĩnh vực cụ thể và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các nội dung công việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc được Giám đốc ủy quyền theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Danh sách Cơ quan Tổng Giám đốc cụ thể như sau:

1. Ông Hồ Hai - Tổng Giám đốc
2. Ông Đặng Trọng Tâm - Phó Tổng Giám đốc
3. Ông Văn Hữu Thành - Phó Tổng Giám đốc
4. Ông Nguyễn Thành An - Giám đốc điều hành
5. Ông Trần Văn Tiến - Giám đốc điều hành
6. Bà Đào Thị Lụa - Giám đốc điều hành

*** Phòng Tài chính Kế toán:**

- Tham mưu cho Cơ quan Tổng Giám đốc trong các lĩnh vực tài chính, Kế toán, quản lý tài sản, quản lý vốn, kiểm soát nội bộ, kiểm soát chi phí hoạt động của Công ty.

- Theo dõi, phân tích và phản ánh tình hình biến động tài sản, nguồn vốn tại Công ty và cung cấp thông tin về tình hình tài chính, kinh tế cho Tổng Giám đốc trong công tác điều hành và hoạch định sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện công tác hạch toán kế toán, thống kê theo Pháp lệnh kế toán và thống kê, Luật Kế toán và Điều lệ của Công ty.

- Quản lý tài sản, nguồn vốn và các nguồn lực kinh tế của Công ty theo quy định của Nhà nước.

- Xây dựng kế hoạch tài chính phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư.

- Xây dựng kế hoạch định kỳ về giá thành sản phẩm, kinh phí hoạt động, chi phí bảo dưỡng định kỳ và sửa chữa nhỏ của Công ty và các kế hoạch tài chính khác.

- Thực hiện chế độ báo cáo tài chính, thống kê theo quy định của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

- Thực hiện các nghĩa vụ đối với NSNN, cổ đông và người lao động theo luật định.

- Xác định và phản ánh chính xác, kịp thời kết quả kiểm kê định kỳ tài sản, nguồn vốn.

- Lưu trữ, bảo quản chứng từ, sổ sách kế toán, bảo mật số liệu kế toán tài chính theo quy định và điều lệ Công ty.

- Thực hiện những nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc Công ty phân công.

*** Phòng Tổ chức Hành chính:**

- Tham mưu cho Tổng Giám đốc Công ty trong các lĩnh vực tổ chức lao động, quản lý và bố trí nhân lực, bảo hộ lao động, chế độ chính sách, chăm sóc sức khỏe cho người lao động theo qui định của Bộ luật lao động và quy chế công ty.

- Kiểm tra, đôn đốc tất cả CBCNV trong toàn Công ty thực hiện nghiêm chỉnh nội qui, qui chế của Công ty.

- Tuyển dụng, lao động, quản lý nguồn nhân lực, điều phối lao động.

- Giải quyết kịp thời, đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động (Lương, thưởng, các chế độ bảo hiểm).
- Theo dõi công tác thi đua, kỷ luật của Công ty.
- Quản lý công tác ATVSLĐ, PCCC, chăm sóc sức khỏe cho người lao động.
- Tiếp nhận các thông tin từ bên ngoài đến Công ty, xử lý các thông tin đó theo chức năng và quyền hạn của mình.
- Tổ chức các Hội nghị và khánh tiết của Công ty.
- Soạn thảo và trình Tổng Giám đốc ký các văn bản đối nội, đối ngoại và chịu trách nhiệm về giá trị pháp lý của văn bản đó.

*** Phòng Kinh doanh Thị trường:**

- Thực hiện công tác marketing, nghiên cứu thị trường, chọn lựa sản phẩm chủ lực có tính chuyên môn hóa cao phù hợp với năng lực sản xuất của các nhà máy trực thuộc.
- Tổ chức giao dịch, đàm phán trong và ngoài nước, trao đổi thông tin với khách hàng trong nước và nước ngoài trong quá trình giao dịch để đi đến ký kết hợp đồng kinh tế.
- Qui hoạch đơn hàng cho các máy trên cơ sở tính chuyên môn hóa theo định hướng của HĐQT và Ban điều hành Công ty, đảm bảo đồng bộ nguyên phụ liệu kịp thời cho các nhà máy tổ chức sản xuất.
- Đàm phán với khách hàng với giá cả phù hợp giúp nhà máy tổ chức sản xuất tốt, đảm bảo trả lương cho người lao động, đảm bảo hiệu quả SXKD toàn Công ty.

*** Phòng Kế hoạch điều độ:**

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh theo từng tháng, quý, năm cho toàn Công ty.
- Theo dõi đơn đốc, cập nhật, giám sát tiến độ sản xuất của các nhà máy.
- Chủ động điều phối đơn hàng, giám sát tiến độ thực hiện tại các nhà máy đảm bảo thời gian giao hàng cho các khách hàng.
- Theo dõi tình hình Final các đơn hàng cho đến khi xuất hàng.
- Quản lý kho tàng, cấp phát NPL kịp thời cho các nhà máy tổ chức sản xuất.
- Thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu của Công ty như: giao nhận, vận chuyển, mở tờ khai hải quan
- Thực hiện báo cáo tình hình SXKD của Công ty theo định kỳ.

*** Phòng Kỹ thuật Công nghệ:**

- Tham mưu cho Cơ quan Tổng Giám đốc về công tác Kỹ thuật, công nghệ, định mức và tham mưu trong việc ký kết hợp đồng thực hiện các đơn hàng phù hợp với tính chuyên môn hóa đã xây dựng.
- Triển khai, giám sát công tác kỹ thuật các đơn hàng tại các đơn vị trực thuộc
- Thực hiện công tác nghiên cứu, cải tiến, tổ chức sản xuất hợp lý góp phần tăng năng suất lao động.
- Đánh giá thực trạng của các bộ phận sản xuất tại các nhà máy, phân tích các hạn chế, lãng phí và đưa ra các hành động khắc phục phù hợp.

- Tư vấn công tác quản lý cho các cán bộ quản lý các nhà máy về: phân công lao động, định biên lao động, thiết kế chuyên, giao định mức hàng ngày, định mức thời gian tiêu hao sản phẩm ...

- Xây dựng các qui trình công nghệ chế tạo sản phẩm.

- Xây dựng, quản lý định mức tiêu hao nguyên phụ liệu.

- Cung cấp các tài liệu và tiêu chuẩn kỹ thuật các đơn hàng của các khách hàng cho các đơn vị phục vụ công tác sản xuất.

- Nghiên cứu chế tạo các cử gá lắp, rập hỗ trợ cho các đơn vị áp dụng tăng năng suất lao động.

- Quản lý, lưu trữ hồ sơ kỹ thuật các sản phẩm đã sản xuất, giữ gìn bí mật công nghệ.

* Phòng Quản lý chất lượng:

- Tham mưu cho Cơ quan Tổng Giám đốc trong công tác quản lý chất lượng hệ thống của Công ty theo các tiêu chuẩn của khách hàng và tiêu chuẩn của Công ty xây dựng.

- Xây dựng các tiêu chuẩn, qui trình, hướng dẫn, phương pháp kiểm tra chất lượng sản phẩm.

- Đánh giá, xử lý chất lượng nguyên phụ liệu đáp ứng kịp thời yêu cầu sản xuất của các nhà máy.

- Tổ chức triển khai các biện pháp để ngăn chặn các sai sót trong quá trình tổ chức sản xuất.

- Thống kê, tổng hợp các lỗi trong quá trình sản xuất, phân tích đánh giá nguyên nhân và đưa ra các hành động khắc phục phòng ngừa.

- Cập nhật các qui trình, tiêu chuẩn, phương pháp, hướng dẫn kiểm tra chất lượng sản phẩm mới.

6. Các nhà máy sản xuất trực thuộc:

Tổ chức sản xuất theo kế hoạch Công ty giao cho, đảm bảo chất lượng sản phẩm & thời gian giao hàng cho các khách hàng, đảm bảo tiền lương & thu nhập cho người lao động.

6.1 Xí nghiệp May 1:

+ Địa chỉ	: 25 Trần Quý Cáp, P.Thạch Thang, Q.Hải Châu, TP.Đà Nẵng
+ Lĩnh vực SXKD	: Sản xuất, gia công hàng may mặc
+ Sản phẩm chủ lực	: Áo quần thời trang
+ Diện tích	: 2.075 m ²
+ Tổng số thiết bị	: 265 máy
+ Năng lực	: 350.000 pcs/năm
+ Thị trường chính	: Châu Âu
+ Brand Name	: OPUS, SHARA, MILANO

6.2 Nhà máy may Thanh Sơn:

+ Địa chỉ	: 88 Thanh Sơn, P.Thanh Bình, Q.Hải Châu, TP.Đà Nẵng
+ Lĩnh vực SXKD	: Sản xuất, gia công hàng may mặc
+ Sản phẩm chủ lực	: Quần tây
+ Diện tích	: 7.651 m ²
+ Tổng số thiết bị	: 600 máy
+ Năng lực	: 1.400.000 pcs/năm
+ Thị trường chính	: Mỹ
+ Main Brands	: PGA Tour, Savane, Grand Slam, Perry Ellis Portfolio
+ Certificate	: Perry Ellis, WRAP & GSV

6.3 Nhà máy may Dung Quất:

+ Địa chỉ	: Lô L1, Phân khu công nghiệp Sài Gòn – Dung Quất, xã Bình Thạnh, huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi
+ Lĩnh vực SXKD	: Sản xuất, gia công hàng may mặc
+ Sản phẩm chủ lực	: Quần tây
+ Diện tích	: 15.513 m ²
+ Tổng số thiết bị	: 1.180 máy
+ Năng lực	: 1.600.000 pcs/năm
+ Thị trường chính	: Mỹ
+ Main Brands	: Calvin Klein, Chaps, Van Heusen, Micheal Kors, DKNY, Sean John, Lauren, Perry Ellis Portfolio, Grand Slam
+ Certificate	: WRAP & GSV, Haggar Annually, NEXT - Vendor Motives, Peerless - Vendor Motives

6.4 Nhà máy may Phù Mỹ:

+ Địa chỉ	: QL1A, Thị trấn Phù Mỹ, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định
+ Lĩnh vực SXKD	: Sản xuất, gia công hàng may mặc
+ Sản phẩm chủ lực	: Bảo hộ lao động, Jacket
+ Diện tích	: 18.500 m ²
+ Tổng số thiết bị	: 1.455 máy
+ Năng lực	: 1.250.000 pcs/năm
+ Thị trường chính	: Nhật Bản, Mỹ, Châu Âu
+ Main Brands	: Mizuno, Early Bird - Big Born, Sun S , AITOOZ, SOWA, CO-COS , ENEOS
+ Passed audits	: KONTOOR-ITOCHU, STICH FIX - CONTEMPO

7. Định hướng phát triển:

+ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Phát triển ổn định & bền vững, hiệu quả, nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao của khách hàng, lấy chất lượng sản phẩm làm giá trị cốt lõi & là sự sống còn của Công ty.

- Nâng cao năng suất lao động từ 550 USD đến 650 USD

- Hoàn thiện hệ thống quản trị, sáng tạo trong hoạt động SXKD

- Đa dạng hóa chủng loại sản phẩm.

- Phát triển Công ty trở thành một trong những đơn vị hàng đầu của ngành dệt may Việt Nam.

+ Chiến lược phát triển trung & dài hạn:

- Phát triển theo hướng chuyên môn hóa, hiện đại hóa, phát triển đa ngành nghề

- Tham gia vào chuỗi liên kết với các nhà sản xuất và cung ứng nguyên phụ liệu, tiêu thụ sản phẩm, logistic.

- Chú trọng công tác đào tạo nguồn nhân lực để đáp ứng nguồn nhân lực cho các dự án mới.

+ Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

- Tạo công ăn việc làm ổn định, thực hiện đầy đủ các chế độ phúc lợi cho người lao động.

- Trong quá trình hoạt động SXKD, tuân thủ & chấp hành các yêu cầu, qui định về bảo vệ môi trường.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế cho Ngân sách Nhà nước.

- Chia sẻ và hỗ trợ người nghèo, đồng bào vùng sâu vùng xa.

8. Các rủi ro:

- Rủi ro về nguồn nhân lực: Đặc thù ngành dệt may cần một nguồn lao động rất lớn, tuy nhiên lao động biến động rất lớn. Công ty luôn hoàn thiện các chính sách chế độ phúc lợi cho người lao động để ổn định lao động.

- Rủi ro về NPL: Hầu hết nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất tại Công ty đều phải nhập khẩu từ nước ngoài. Do vậy giá NPL trên thế giới biến động sẽ ảnh hưởng lớn đến hoạt động SXKD của Công ty. Do vậy Công ty có quan hệ với nhiều nhà cung cấp NPL để hạn chế rủi ro này.

- Rủi ro về lãi suất: Hoạt động SXKD của Công ty chủ yếu sử dụng từ nguồn vốn vay. Rủi ro lãi suất chủ yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty hạn chế rủi ro này bằng cách duy trì hợp lý các khoản vay, quan hệ với nhiều ngân hàng thương mại để cân đối các khoản vay với lãi suất hợp lý. Bên cạnh đó Công ty tổ chức tốt sản xuất, giảm thiểu hàng tồn kho, tăng cường thu hồi công nợ.

- Rủi ro về thị trường: Khi các nền kinh tế lớn như Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản phục hồi chậm, dẫn đến sức mua về hàng may mặc giảm rõ rệt.

- Rủi ro về chi phí: Mức lương tối thiểu vùng của nhà nước ban hành liên tục tăng hàng năm dẫn đến chi phí về tiền lương, chi phí BHXH gia tăng, làm giảm hiệu quả SXKD của Công ty

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:**1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019:**

+ Tình hình thực hiện các chỉ tiêu chính:

TT	Nội dung	ĐVT	TH 2019	TH 2018	TH 2019/2018
01	Tổng doanh thu	đồng	705.643.435.916	741.085.409.353	95,21%
02	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	12,508	13,660	91,56%
03	Thu nhập bình quân	Tr.đồng/ng/tháng	7,165	6,300	113,73%
04	Lao động bình quân	Người	2.638	2.698	97,77%

+ Phân tích kết quả hoạt động SXKD năm 2019:

Trong năm 2019, thị trường dệt may vẫn còn nhiều khó khăn, kết quả SXKD của Công ty khá ổn định so với cùng kỳ năm 2018:

- Tổng doanh thu giảm 5% nhưng doanh thu CM tăng 6%

- Lao động bình quân giảm 3% nhưng năng suất lao động tăng, thu nhập bình quân của người lao động năm 2019 tăng 13,73% so với năm 2018.

2. Tổ chức nhân sự:

+ Danh sách Ban điều hành:

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
01	Hồ Hai (Tổng Giám đốc)	1970	Thạc sĩ QTKD	Tổ 25, P.Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, TP.Đà Nẵng	326.991	10,92%
02	Đặng Trọng Tâm (Phó Tổng Giám đốc)	1970	Cao đẳng kỹ thuật may	23A Trần Khắc Chân, P15, Q.Phú Nhuận, TPHCM	3.000	0,10%
03	Văn Hữu Thành (Phó Tổng Giám đốc)	1960	Cử nhân Tài chính Kế toán	358/2 Lê Duẩn, P.Tân chính, quận Thanh Khê, TP.Đà Nẵng	17.955	0,60%
04	Trần Văn Tiến (Giám đốc điều hành)	1962	Thạc sỹ QTDN	Tổ 5, P.Hòa An, quận Cẩm Lệ, TPĐN	21.510	0,72%
05	Nguyễn Thành An (Giám đốc điều hành)	1980	Cử nhân Kinh tế	133/11 Trần Cao Vân, P.Tam Thuận, quận Thanh Khê, TPĐN	2.200	0,07%
06	Đào Thị Lược (Giám đốc điều hành)	1966	Cử nhân QTKD	Tổ 18, P.Thanh Khê Tây, Q.Thanh Khê, TPĐN	0	0%
07	Lê Đình Bích Hợp (Kế toán trưởng)	1972	Cử nhân Tài chính ngân hàng	391/28 Trần Cao Vân, P.Xuân Hà, quận Thanh Khê, TPĐN	7.290	0,24%

+ Tổng số lao động trong năm 2019: 2.783 người

- Tất cả người lao động trong Công ty đều được ký hợp đồng lao động theo qui định của Bộ Luật lao động, được đóng BHXH, BHYT và BHTN đầy đủ.

- Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ 02 lần/năm cho toàn thể CBCNV của Công ty.

- Công ty tổ chức mua bảo hiểm thân thể và mua bảo hiểm suất ăn cho người lao động

- Công ty tổ chức tham quan du lịch cho người lao động vào các dịp Lễ lớn trong năm

- Công ty xây dựng & thực hiện các chính sách thưởng cho người lao động vào các ngày Lễ lớn trong năm, thưởng năng suất, thưởng cải tiến, thưởng lương tháng 13, hỗ trợ tiền tàu xe về quê ăn Tết để tăng thu nhập cho người lao động.

- Tổ chức huấn luyện các kiến thức pháp luật lao động cho người lao động

- Tổ chức huấn luyện kỹ thuật & diễn tập phương án PCCC theo định kỳ.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a) Các khoản đầu tư lớn:

- Trong năm 2019, Công ty đã đầu tư vào dự án Nhà máy may Nghĩa Hành và đưa vào hoạt động đầu năm 2020.

- Trong năm 2019, Công ty tiếp tục đầu tư chiều sâu nhiều thiết bị chuyên dùng hiện đại có tính tự động hóa cao nhằm nâng cao năng suất lao động và nâng cao thu nhập cho người lao động (Tổng giá trị đầu tư thiết bị khoảng 10 tỷ đồng)

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	377.032.455.778	388.424.585.029	97,06%
Doanh thu thuần	705.614.670.259	741.058.987.753	95,21%
Lợi nhuận từ hoạt động KD	12.681.136.444	12.324.065.041	102,89%
Lợi nhuận khác	(172.450.579)	1.336.696.868	
Lợi nhuận trước thuế	12.508.685.865	13.660.761.909	91,56%
Lợi nhuận sau thuế	10.714.400.842	10.694.040.793	100,19%
Tỉ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	0%	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán: + Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,01	1,00	
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ – Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	0,60	0,54	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn + Hệ số Nợ/Tổng tài sản + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,77 3,42	0,77 3,46	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động + Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân + Doanh thu thuần/Tổng tài sản	6,12 1,87	6,77 2,24	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời + Hệ số LN sau thuế/D.thu thuần + Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ SH + Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản + Hệ số LN từ hoạt động KD/Doanh thu thuần.	0,02 0,13 0,03 0,02	0,02 0,19 0,04 0,02	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

- + Tổng số cổ phần: 2.993.910 cổ phần
- + Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- + Vốn điều lệ: 29.939.100.000 tỷ đồng

b) Cơ cấu cổ đông:

- + 01 cổ đông nhà nước: Tập đoàn dệt may Việt Nam nắm giữ 900.000 cổ phần, tương ứng 30% vốn điều lệ.
- + 167 cổ đông là cá nhân, tổ chức nắm giữ 2.093.910 cổ phần, tương ứng 70% vốn điều lệ. Trong đó: 04 cổ đông lớn nắm giữ 56,75%
- + Cổ đông nước ngoài: Không có

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Có

- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không
e) Các chứng khoán khác: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội:

- Trong sản xuất của Công ty, nguyên liệu chính (vải) chủ yếu được nhập khẩu từ Trung Quốc có chứng nhận xuất xứ rõ ràng.

- Các nhà máy sản xuất của Công ty được đầu tư đồng bộ về nhà xưởng, thiết bị & các cơ sở vật chất khác, sử dụng năng lượng tiết kiệm (điện, nước). Công ty cũng đã ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom rác thải hàng ngày (rác thải sinh hoạt), xây dựng hệ thống xử lý nước thải theo qui định.

- Tất cả người lao động khi vào làm việc tại Công ty đều được ký hợp đồng lao động & tham gia đầy đủ các chế độ BHXH; định kỳ được huấn luyện an toàn vệ sinh lao động, pháp luật lao động và các tiêu chuẩn trách nhiệm của xã hội

- Song song với hoạt động SXKD, Công ty luôn tích cực tham gia mọi hoạt động xã hội: Phụng dưỡng Mẹ Việt Nam anh hùng, đóng góp quỹ từ thiện, ủng hộ đồng bào bị bão lụt, xây dựng nhà tình nghĩa, hiến máu nhân đạo

III. BÁO CÁO & ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

1. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD:

- Năm 2019, kinh tế thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung diễn ra gay gắt, nhu cầu nhập khẩu của các thị trường lớn giảm, hoạt động SXKD của Công ty gặp nhiều khó khăn thách thức.

- Ban điều hành đã thực hiện nhiều giải pháp đột phá, doanh thu CM năm 2019 tăng trưởng so với năm 2018, hoạt động SXKD ổn định

- Duy trì hệ thống tổ chức & quản lý sản xuất tinh gọn, nâng cao năng suất lao động, đảm bảo thời gian giao hàng.

- Đào tạo & phát triển nguồn nhân lực cho các dự án mới của Công ty.

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản:

Tổng tài sản đầu kỳ là 388.424.585.029 đồng, trong đó tài sản ngắn hạn là 220.211.972.368 đồng và tài sản dài hạn là 168.212.612.661 đồng.

Tổng tài sản cuối kỳ là 377.032.455.778 đồng, trong đó tài sản ngắn hạn là 234.860.900.481 đồng và tài sản dài hạn là 142.171.555.297 đồng.

b) Tình hình nợ phải trả:

Tổng nợ phải trả đầu kỳ là 308.172.766.624 đồng (Trong đó: Nợ ngắn hạn là 240.854.099.619 đồng và nợ dài hạn là 67.318.667.005 đồng)

Tổng nợ phải trả cuối kỳ là 291.810.832.614 đồng (Trong đó: Nợ ngắn hạn là 232.342.884.938 đồng và nợ dài hạn là 59.467.947.676 đồng)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Hoàn thiện qui trình hệ thống tổ chức sản xuất & qui trình hệ thống kiểm soát chất lượng, đáp ứng các yêu cầu & tiêu chuẩn của các khách hàng.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị điều hành hoạt động SXKD, kết nối thông tin các bộ phận quản lý, nâng cao hiệu quả SXKD.
- Đảm bảo vốn cho yêu cầu hoạt động SXKD và các dự án mới của Công ty.
- Duy trì công tác trách nhiệm xã hội, đáp ứng các yêu cầu tiếp nhận đơn hàng.
- Thực hiện chi trả đầy đủ & kịp thời chế độ tiền lương, thưởng, các chế độ khác (thai sản, ốm đau, dưỡng sức) cho người lao động.
- Cải thiện & nâng cao bữa ăn giữa ca cho người lao động, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động 02 lần/năm
- Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn PCCC trong hoạt động SXKD.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Dự kiến các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2020 của Công ty như sau:

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Doanh thu CM	Triệu USD	16,770	
2	Thu nhập bình quân	Triệu đồng/người/tháng	7,775	
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	20	
4	Cổ tức	%/VĐL	20	

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA C.TY:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

- Hội đồng quản trị đã định hướng, theo dõi sát sao mọi mặt hoạt động SXKD của Công ty, đồng thời đưa ra các chỉ đạo & giải pháp trọng tâm giúp cho hoạt động SXKD của Công ty duy trì ổn định.
- Ban điều hành Công ty đã phát huy được sức mạnh tập thể, thực hiện nhiều giải pháp đẩy mạnh hiệu quả hoạt động SXKD.
- Đời sống người lao động không ngừng được cải thiện & nâng cao.
- Vị thế của Công ty từng bước được khẳng định trên thương trường.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:

- Ban điều hành Công ty có phân công công việc, trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên, hàng tháng có đánh giá kết quả công việc cụ thể của từng thành viên.
- Hội đồng quản trị đánh giá cao tinh thần đoàn kết, trách nhiệm, làm việc quyết tâm của Ban điều hành Công ty đã thực hiện đầy đủ các yêu cầu, nghị quyết mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đã đề ra.

3. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị:

Trên cơ sở đánh giá kết quả SXKD 2019, Hội đồng quản trị đưa ra phương hướng nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian đến:

- Phân tích & đánh giá thị trường, giữ vững các thị trường xuất khẩu: Mỹ, Nhật Bản, Châu Âu ... , cân đối lại thị trường xuất khẩu, tránh rủi ro khi tập trung quá nhiều vào một thị trường.

- Ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trong hoạt động SXKD, quản lý tốt các chi phí SX & các định mức kỹ thuật để nâng cao hiệu quả SXKD.

- Củng cố và hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng toàn hệ thống: Chất lượng sản phẩm, chất lượng dịch vụ, chất lượng con người ...

- Tổ chức đào tạo, luân chuyển cán bộ, đặc biệt Cán bộ trẻ kế cận để đáp ứng sự phát triển ngày càng cao của Công ty.

- Hoàn thiện các qui chế về tiền lương, thưởng, phúc lợi của Công ty.

- Đẩy mạnh các phong trào thi đua lao động sản xuất, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị:

TT	Thành viên HĐQT	Chức danh	Tỉ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết	Hình thức	Số lượng chức danh thành viên HĐQT tại các Cty khác
01	Ông Phạm Phú Cường	Chủ tịch	20,06%	Thành viên chuyên trách	1
02	Ông Hồ Hai	Ủy viên	10,92%	Thành viên điều hành	0
03	Ông Văn Hữu Thành	Ủy viên	0,60%	Thành viên điều hành	0
04	Ông Nguyễn Xuân Đông	Ủy viên	8,21%	Thành viên không điều hành	1
05	Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm	Ủy viên	0%	Thành viên không điều hành	0

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

HĐQT là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ những thẩm quyền thuộc Đại hội đồng CĐ. Hội đồng quản trị họp định kỳ để tổng kết công tác hoạt động SXKD và đưa ra phương hướng kế hoạch cho thời gian tới.

HĐQT giám sát việc thực hiện các nghị quyết, kế hoạch KD và kế hoạch đầu tư đã được HĐQT và Đại hội đồng CĐ thông qua. Giám sát các hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc để đảm bảo hoạt động SXKD được an toàn, tuân thủ đúng các qui định của pháp luật, theo đúng định hướng nghị quyết đã được Đại hội đồng CĐ thông qua.

Nội dung và kết quả các cuộc họp của HĐQT trong năm 2019 thể hiện ở các nghị quyết như sau:

TT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
01	01/2019/NQ-HĐQT	14/02/2019	Tiến hành tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Cty CP Vinatex Đà Nẵng
02	02/2019/NQ-ĐHCD	29/03/2019	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty CP Vinatex Đà Nẵng
03	03/2019/NQ-HĐQT	24/07/2019	Phê duyệt tiền lương hàng tháng 2019 của Ban điều hành Công ty
04	04/2019/NQ-HĐQT	16/08/2019	Phê duyệt đơn giá tiền lương 2019 của Công ty
05	05/2019/NQ-HĐQT	09/12/2019	Thông nhất định hướng cốt tủy năm 2019 & dự kiến Kế hoạch tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2020
06	06/2019/NQ-HĐQT	30/12/2019	Thông nhất chuyển nhượng vốn của Công ty CP Vinatex Đà Nẵng tại Công ty CP may Vinatex Đức Phổ cho Công ty CP may Tam Quan

- d) Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành: Không có
e) Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT: Không có
f) Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị Cty: Không

2. Ban kiểm soát:

- a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức danh	Tỉ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết
Ông Huỳnh Tấn Long	Trưởng ban	0%
Ông Lương Chương	Ủy viên	1%
Bà Nguyễn Thị Phương Mai	Ủy viên	0,6%

- b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Năm 2019, Ban kiểm soát đã xây dựng kế hoạch kiểm tra giám sát, phân công cho các thành viên theo dõi, giám sát việc thực hiện tất cả các mặt hoạt động SXKD của Công ty & Công ty con.

- Hàng tháng, Ban kiểm soát đều có rà soát các qui chế, qui định, đánh giá kết quả hiệu lực và cảnh báo các nguy cơ rủi ro tiềm ẩn.

- Ban kiểm soát phối hợp với Hội đồng quản trị đề xuất chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm.

- Xem xét Báo cáo tài chính định kỳ hàng quý, năm do Ban điều hành Công ty cung cấp, kiểm tra việc hạch toán ghi nhận các khoản doanh thu và chi phí.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc & Ban kiểm soát:

- a) Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:

Công ty chi tiền thù lao theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong năm 2019, Công ty đã chi tiền thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát và thư ký như sau:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao (VNĐ)
01	Ông Phạm Phú Cường	Chủ tịch HĐQT	180.000.000
02	Ông Hồ Hai	Ủy viên HĐQT	48.000.000
03	Ông Văn Hữu Thành	Ủy viên HĐQT	48.000.000
04	Ông Nguyễn Xuân Đông	Ủy viên HĐQT	48.000.000
05	Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm	Ủy viên HĐQT	48.000.000
06	Ông Lương Chương	Ủy viên BKS	120.000.000
07	Bà Nguyễn Thị Phương Mai	Ủy viên BKS	36.000.000
08	Ông Huỳnh Tấn Long	Trưởng BKS	60.000.000
09	Ông Phạm Vũ Bằng	Thư ký HĐQT	36.000.000
	CỘNG		624.000.000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

TT	Người thực hiện giao dịch	Số CP sở hữu ĐK	Số CP giao dịch TK	Số CP sở hữu CK	Lý do tăng, giảm
1	Lê Thúc Đức	809.910	320.000	489.910	Bán
2	Công ty CP 4M	397.865	320.000	717.865	Mua

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội địa: Không có

d) Việc thực hiện các qui định về quản trị Công ty: Chấp hành theo qui định

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. Đơn vị kiểm toán:

Công ty TNHH Kiểm toán & Kế toán AAC

Trụ sở chính: Lô 78 – 80, đường 30 tháng 4, quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng

2. Ý kiến kiểm toán:

“ Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất”

3. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Toàn bộ Báo cáo tài chính được kiểm toán (Bao gồm báo cáo riêng và báo cáo hợp nhất) năm 2019 của Công ty CP Vinatex Đà Nẵng được đăng tải đầy đủ trên Website: www.vinatexdn.com.vn

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 03 năm 2020

Người đại diện theo pháp luật *ll*



ll
HỒ HAI

